TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TẠM TÍNH TỔNG THU NHẬP NĂM 2019

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2109 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
1	HL-00255	Vũ Thị Thanh Xuân	CĐ-KC	69.801.661	6.345.606	76.147.267	13.000.000	5.289.000	**7.869.689**
2	HL-00687	Nguyễn Thị Mơ	CĐ-KC	68.954.781	6.268.616	75.223.397	13.000.000	8.269.000	**8.041.033**
3	HL-00955	Nghiêm Đắc Đỏ	CĐ-KC	84.005.268	7.636.843	91.642.111	13.000.000	4.150.000	**9.066.009**
4	HL-00984	Tô Ích Hoàng	CĐ-KC	88.287.903	8.026.173	96.314.076	13.000.000	4.250.000	**9.463.673**
5	HL-01058	Nguyễn Thị Tươi	CĐ-KC	92.072.958	8.370.269	100.443.227	13.000.000	10.266.000	**10.309.102**
6	HL-01417	Đào Văn Kỳ	CĐ-KC	99.174.501	9.015.864	108.190.365	13.000.000	3.600.000	**10.399.197**
7	HL-01436	Phạm Văn Lập	CĐ-KC	190.436.263	17.312.388	207.748.651	14.000.000	5.700.000	**18.954.054**
8	HL-01484	Nguyễn Văn Thủy	CĐ-KC	152.772.572	13.888.416	166.660.988	14.000.000	5.700.000	**15.530.082**
9	HL-01510	Vũ Văn Chính	CĐ-KC	155.291.354	14.117.396	169.408.750	14.000.000	4.950.000	**15.696.562**
10	HL-01926	Trần Văn Thanh	CĐ-KC	105.358.908	9.578.083	114.936.991	13.000.000	2.900.000	**10.903.083**
11	HL-02050	Trần Hùng Việt	CĐ-KC	116.847.762	10.622.524	127.470.286	13.000.000	3.500.000	**11.997.524**
12	HL-02160	Nguyễn Ngọc Hoằng	CĐ-KC	180.607.273	16.418.843	197.026.116	14.000.000	8.200.000	**18.268.843**
13	HL-02240	Nguyễn Văn Thu	CĐ-KC	177.650.794	16.150.072	193.800.866	13.000.000	10.224.688	**18.085.463**
14	HL-02748	Vũ Thị Thoa	CĐ-KC	75.455.412	6.859.583	82.314.995	13.000.000	17.053.000	**9.364.000**
15	HL-02755	Bùi Văn Nhiếp	CĐ-KC	83.799.500	7.618.136	91.417.636	13.000.000	3.900.000	**9.026.470**
16	HL-02757	Hà Thị Kim Nhặn	CĐ-KC	84.557.479	7.687.044	92.244.523	13.000.000	9.557.000	**9.566.794**
17	HL-02815	Chu Thế Giang	CĐ-KC	160.068.021	14.551.638	174.619.659	13.000.000	5.550.000	**16.097.472**
18	HL-02817	Đào Văn Công	CĐ-KC	156.713.959	14.246.724	170.960.683	14.000.000	13.550.000	**16.542.557**
19	HL-02837	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	CĐ-KC	69.366.532	6.306.048	75.672.580	13.000.000	13.694.000	**8.530.548**
20	HL-02841	Đặng Thị Nhung	CĐ-KC	70.890.675	6.444.607	77.335.282	13.000.000	10.795.000	**8.427.523**
21	HL-02868	Hoàng Hà	CĐ-KC	160.333.092	14.575.736	174.908.828	14.000.000	10.400.000	**16.609.069**
22	HL-02874	Trương Thanh Cường	CĐ-KC	95.032.991	8.639.363	103.672.354	13.000.000	4.350.000	**10.085.196**
23	HL-02890	Vũ Thị Quyên	CĐ-KC	90.060.816	8.187.347	98.248.163	13.000.000	14.414.000	**10.471.847**
24	HL-02899	Nguyễn Văn Cư	CĐ-KC	156.562.341	14.232.940	170.795.281	14.000.000	2.800.000	**15.632.940**
25	HL-02929	Phạm Duy Đức	CĐ-KC	178.017.732	16.183.430	194.201.162	14.000.000	12.100.000	**18.358.430**
26	HL-02933	Trần Thị Mai Lan	CĐ-KC	84.771.465	7.706.497	92.477.962	13.000.000	12.210.000	**9.807.330**
27	HL-02987	Đoàn Thị Thủy	CĐ-KC	89.000.973	8.090.998	97.091.971	13.000.000	4.177.000	**9.522.414**
28	HL-02993	Lê Thị Thu Hằng	CĐ-KC	69.304.839	6.300.440	75.605.279	13.000.000	11.542.000	**8.345.607**
29	HL-02996	Phạm Văn Diễn	CĐ-KC	155.421.376	14.129.216	169.550.592	13.000.000	29.200.000	**17.645.883**
30	HL-02999	Tô Đạo Quang	CĐ-KC	155.694.562	14.154.051	169.848.613	13.000.000	5.400.000	**15.687.384**
31	HL-03010	Nguyễn Thu Hương	CĐ-KC	75.559.348	6.869.032	82.428.380	13.000.000	8.960.000	**8.699.032**
32	HL-03013	Nguyễn Thị Chiên	CĐ-KC	151.778.002	13.798.000	165.576.002	13.000.000	5.678.000	**15.354.500**
33	HL-03016	Lưu Hữu Thành	CĐ-KC	177.160.000	16.105.455	193.265.455	13.000.000	12.800.000	**18.255.455**
34	HL-03018	Bùi Văn Vinh	CĐ-KC	180.349.205	16.395.382	196.744.587	11.250.000	7.375.301	**17.947.491**
35	HL-03030	Hoàng Thị Hường	CĐ-KC	76.894.420	6.990.402	83.884.822	13.000.000	10.504.000	**8.949.068**
36	HL-03044	Đàm Văn Lượng	CĐ-KC	177.892.751	16.172.068	194.064.819	13.000.000	6.600.000	**17.805.402**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2109 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
37	HL-03054	Diệp Thị Đào	CĐ-KC	71.808.627	6.528.057	78.336.684	13.000.000	4.459.000	**7.982.974**
38	HL-03056	Tô Thị Lan	CĐ-KC	75.751.821	6.886.529	82.638.350	13.000.000	11.195.000	**8.902.779**
39	HL-03058	Phạm Tuấn	CĐ-KC	169.060.708	15.369.155	184.429.863	14.000.000	16.050.000	**17.873.322**
40	HL-03065	Phan Đăng Khoa	CĐ-KC	89.249.984	8.113.635	97.363.619	13.000.000	4.000.000	**9.530.302**
41	HL-03066	Lưu Thị Thu	CĐ-KC	71.257.489	6.477.954	77.735.443	13.000.000	17.044.000	**8.981.620**
42	HL-03071	Nguyễn Văn Tuân	CĐ-KC	177.938.995	16.176.272	194.115.267	14.000.000	14.600.000	**18.559.606**
43	HL-03076	Nguyễn Thị Hồng Nhung	CĐ-KC	70.644.497	6.422.227	77.066.724	13.000.000	10.101.000	**8.347.310**
44	HL-03079	Phạm Thị Én	CĐ-KC	34.607.211	3.146.110	37.753.321	13.000.000	3.650.000	**4.533.610**
45	HL-03101	Ngô Thị Dung	CĐ-KC	95.016.921	8.637.902	103.654.823	13.000.000	22.057.000	**11.559.319**
46	HL-03148	Đặng Thị Hường	CĐ-KC	71.531.239	6.502.840	78.034.079	13.000.000	13.442.000	**8.706.340**
47	HL-03186	Vũ Doãn Thành	CĐ-KC	181.726.730	16.520.612	198.247.342	14.000.000	3.500.000	**17.978.945**
48	HL-03190	Phạm Hoài Phương	CĐ-KC	164.139.391	14.921.763	179.061.154	13.000.000	3.550.000	**16.300.929**
49	HL-03191	Vũ Doãn Sơn	CĐ-KC	154.430.135	14.039.103	168.469.238	14.000.000	10.450.000	**16.076.603**
50	HL-03202	Hoàng Tiến Hùng	CĐ-KC	193.912.264	17.628.388	211.540.652	14.000.000	4.950.000	**19.207.554**
51	HL-03250	Ngô Văn Ban	CĐ-KC	80.026.388	7.275.126	87.301.514	13.000.000	3.700.000	**8.666.793**
52	HL-03269	Lại Khắc Trường	CĐ-KC	198.163.374	18.014.852	216.178.226	13.000.000	9.450.000	**19.885.686**
53	HL-03283	Lê Văn Chiến	CĐ-KC	143.354.982	13.032.271	156.387.253	13.000.000	5.150.000	**14.544.771**
54	HL-03433	Phùng Gia Lượng	CĐ-KC	122.803.923	11.163.993	133.967.916	14.000.000	5.700.000	**12.805.660**
55	HL-03502	Nguyễn Hữu Đế	CĐ-KC	108.806.514	9.891.501	118.698.015	14.000.000	8.650.000	**11.779.001**
56	HL-03536	Nguyễn Đức Mạnh	CĐ-KC	179.965.014	16.360.456	196.325.470	13.000.000	9.050.000	**18.197.956**
57	HL-03543	Nguyễn Anh Đức	CĐ-KC	223.573.100	20.324.827	243.897.927	14.000.000	92.850.000	**29.228.994**
58	HL-03549	Bùi Văn Bình	CĐ-KC	182.511.191	16.591.926	199.103.117	13.000.000	11.200.000	**18.608.593**
59	HL-03561	Trần Lê Tùng	CĐ-KC	155.418.796	14.128.981	169.547.777	13.000.000	30.907.000	**17.787.898**
60	HL-03573	Lê Minh Thắng	CĐ-KC	189.818.930	17.256.266	207.075.196	14.000.000	31.350.000	**21.035.433**
61	HL-03579	Hoàng Thị Thanh	CĐ-KC	39.225.157	3.565.923	42.791.080	13.000.000	4.350.000	**5.011.757**
62	HL-03585	Bùi Văn Quỳnh	CĐ-KC	202.677.671	18.425.243	221.102.914	14.000.000	28.700.000	**21.983.576**
63	HL-03996	Nguyễn Văn Đông	CĐ-KC	77.723.576	7.065.780	84.789.356	13.000.000	9.450.000	**8.936.613**
64	HL-04521	La Công Quân	CĐ-KC	92.310.707	8.391.882	100.702.589	14.000.000	12.500.000	**10.600.216**
65	HL-05134	Nguyễn Thị Dung	CĐ-KC	70.243.599	6.385.782	76.629.381	13.000.000	6.742.000	**8.030.948**
66	HL-05459	Trần Văn Thái	CĐ-KC	131.221.008	11.929.183	143.150.191	14.000.000	16.300.000	**14.454.183**
67	HL-05462	Nguyễn Văn Thành	CĐ-KC	78.859.983	7.169.089	86.029.072	13.000.000	4.350.000	**8.614.923**
68	HL-05619	Trần Đồng Bách Tùng	CĐ-KC	160.084.517	14.553.138	174.637.655	13.000.000	12.250.000	**16.657.305**
69	HL-05901	Trịnh Văn An	CĐ-KC	84.305.948	7.664.177	91.970.125	13.000.000	3.700.000	**9.055.844**
70	HL-05962	Nguyễn Trọng Hà	CĐ-KC	120.652.969	10.968.452	131.621.421	14.000.000	3.900.000	**12.460.118**
71	HL-06289	Bùi Duy Tú	CĐ-KC	154.053.026	14.004.821	168.057.847	13.000.000	8.700.000	**15.813.154**
72	HL-06361	Phạm Văn Duy	CĐ-KC	136.095.123	12.372.284	148.467.407	14.000.000	11.150.000	**14.468.117**
73	HL-06586	Lại Văn Hưng	CĐ-KC	174.469.329	15.860.848	190.330.177	13.000.000	13.750.000	**18.090.015**
74	HL-06851	Hà Quang Lý	CĐ-KC	114.423.584	10.402.144	124.825.728	2.500.000	3.500.000	**10.902.144**
75	HL-06878	Lại Quang Thọ	CĐ-KC	116.842.898	10.622.082	127.464.980	2.800.000	500.000	**10.897.082**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2109 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
76	HL-07083	Phạm Văn Nhâm	CĐ-KC	-	-	-	500.000	-	**41.667**
		Cộng		**9.314.654.808**	**846.786.801**	**10.161.441.609**	**975.050.000**	**796.504.989**	**994.416.383**